

# KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023 (HDG)

## CTCP Tập đoàn Hà Đô

Ngày 15/01/2024	<b>24,550 VNĐ</b>		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	<b>-0.8%</b>	-

**DT thuần**  
2023

**2,882**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼699 | -19.5%

**LN thuần**  
2023

**1,005**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼610 | -37.8%

**LN sau thuế**  
2023

**906**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼456 | -33.5%

**Tỷ lệ lãi EBIT**  
2023

**51.9%**

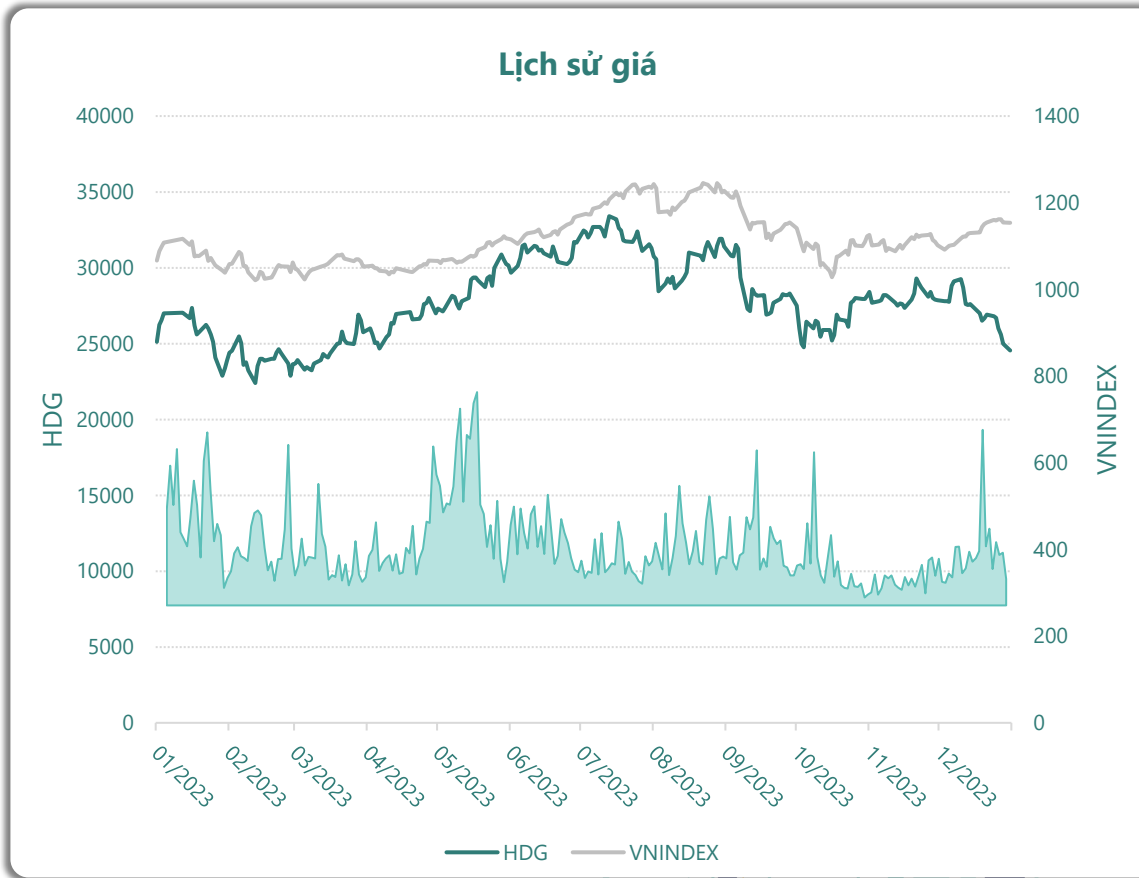
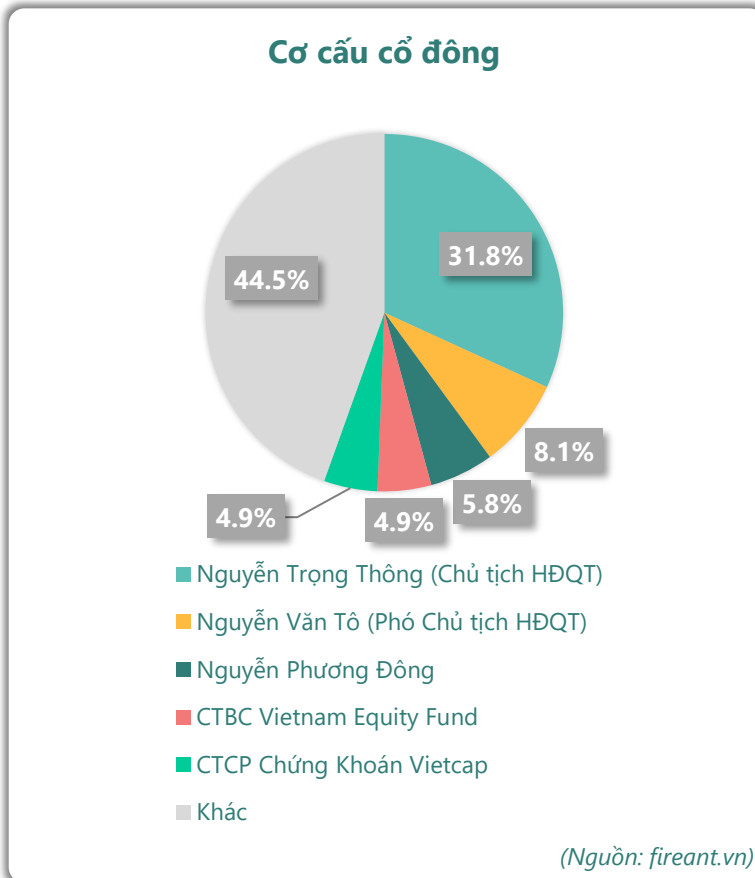
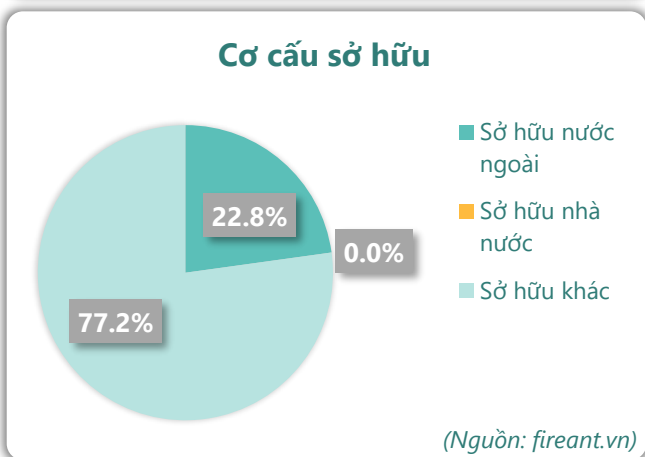
YoY: +/- ▼ 6.9%

**ROE**  
2023

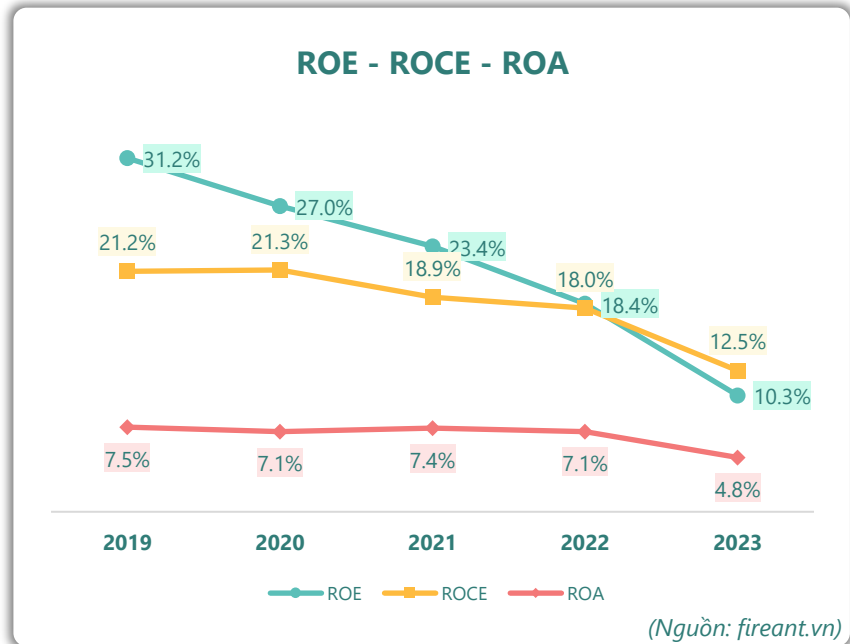
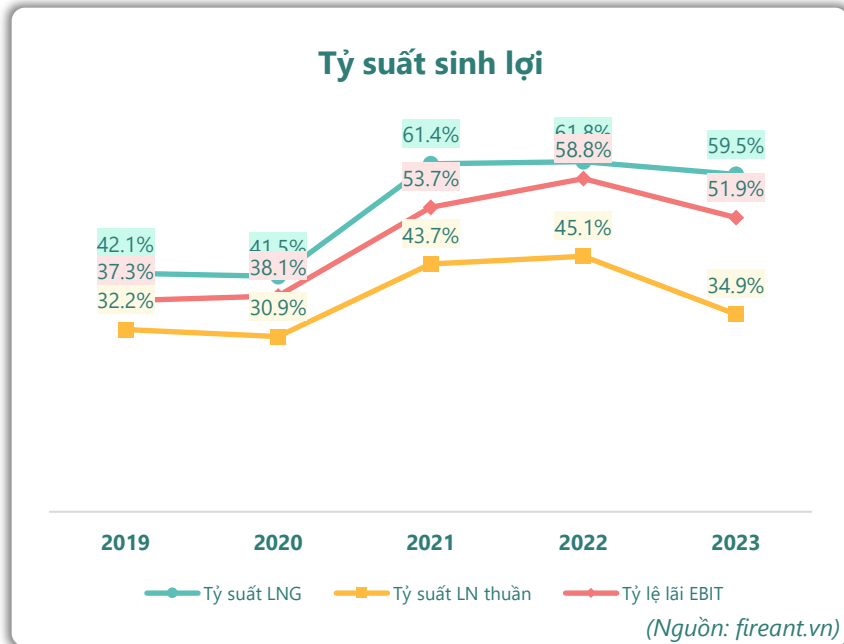
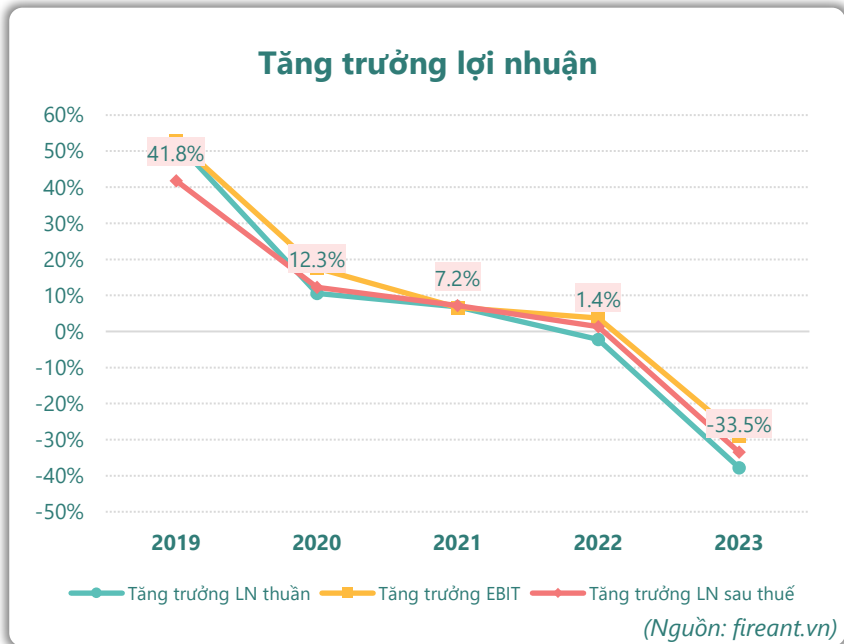
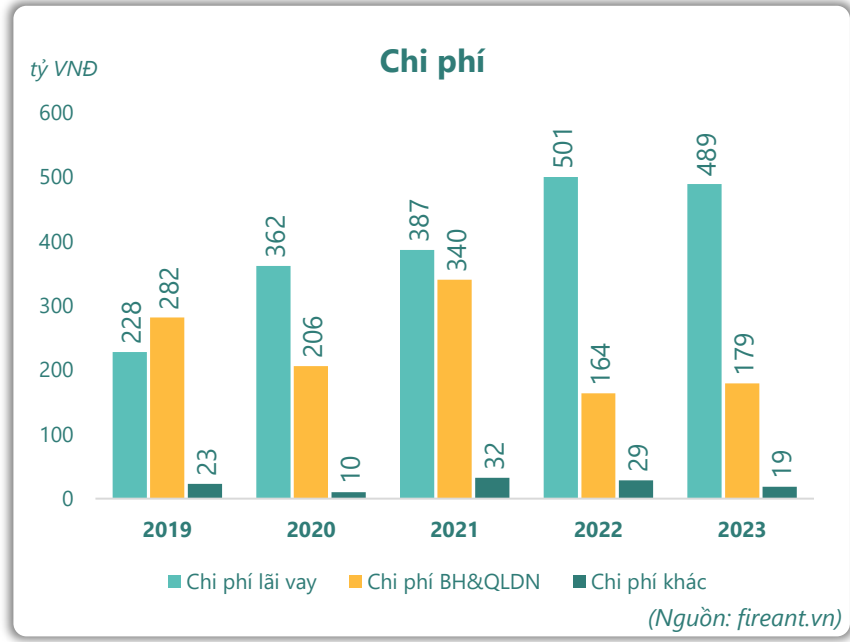
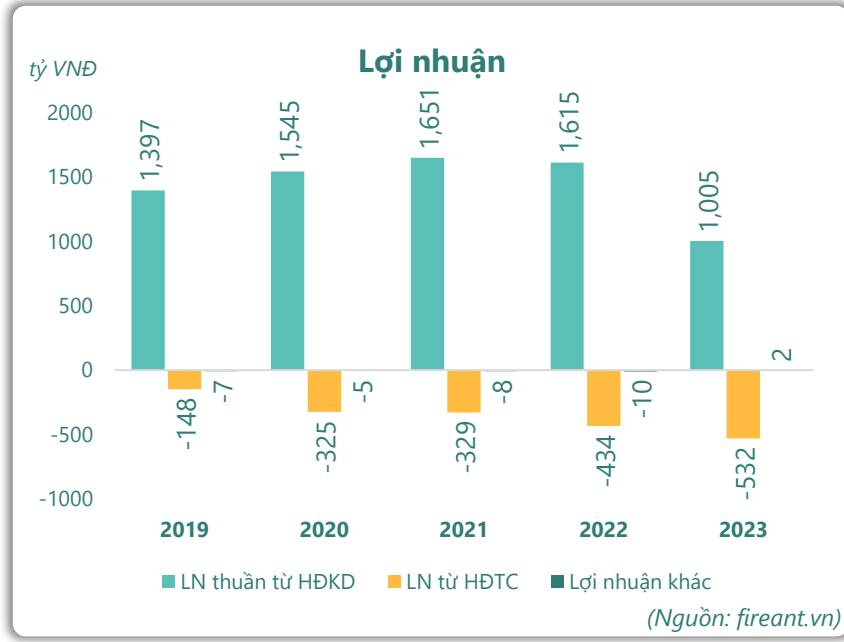
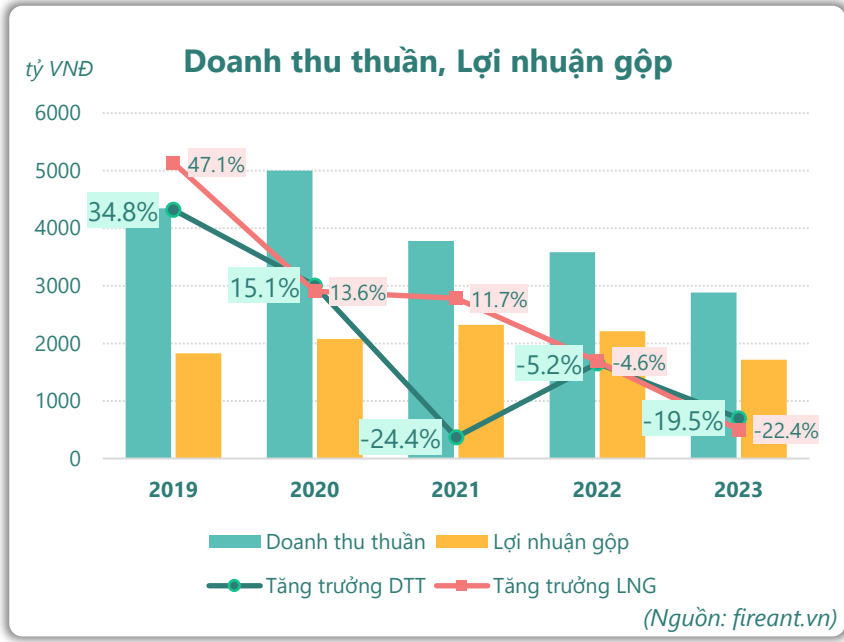
**10.3%**

YoY: +/- ▼ 8.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	22,400 - 33,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,506
Số lượng CPLH (CP)	305,756,841
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,191,970
Sở hữu nước ngoài	22.8%
Beta	1.31
EPS	2,327
P/E	11.9



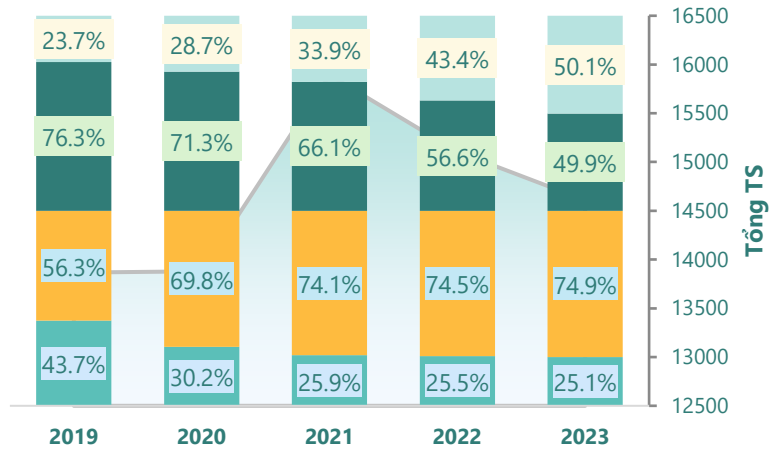
# KẾT QUẢ KINH DOANH



# TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

### Cơ cấu Tổng tài sản

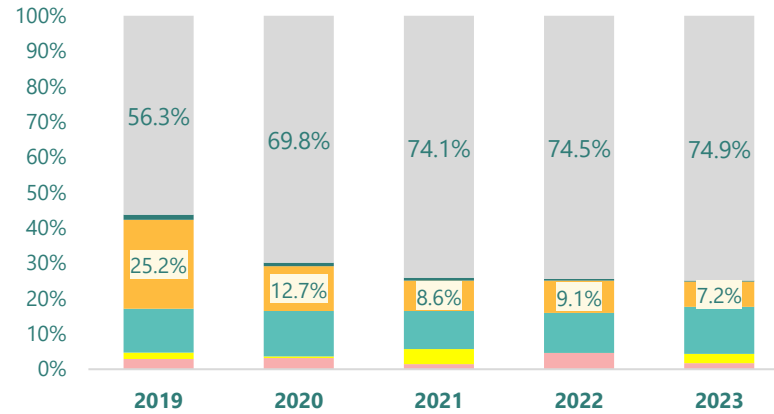
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

### Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

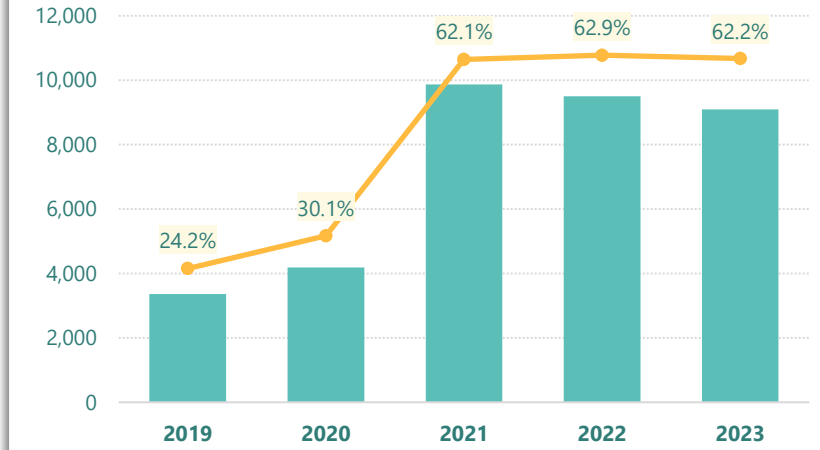


■ Tiền và tương đương tiền ■ Đầu tư tài chính ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ Tài sản ngắn hạn khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản cố định

tỷ VNĐ

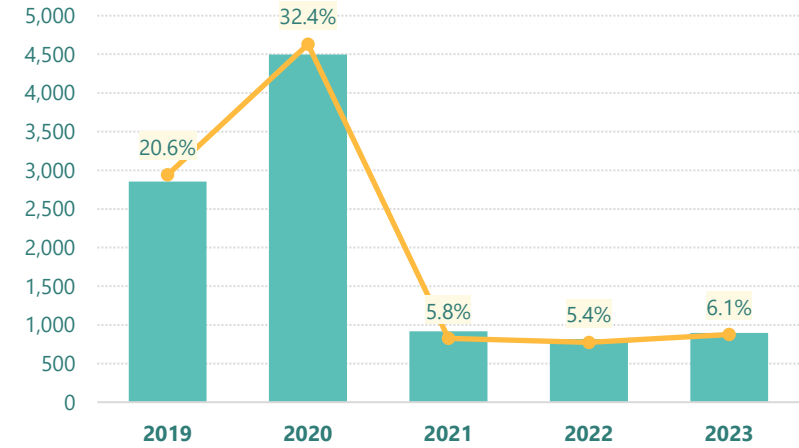


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

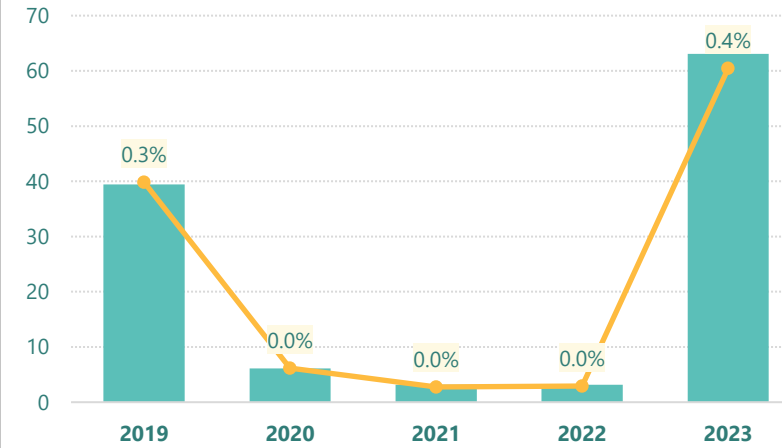


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

### Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

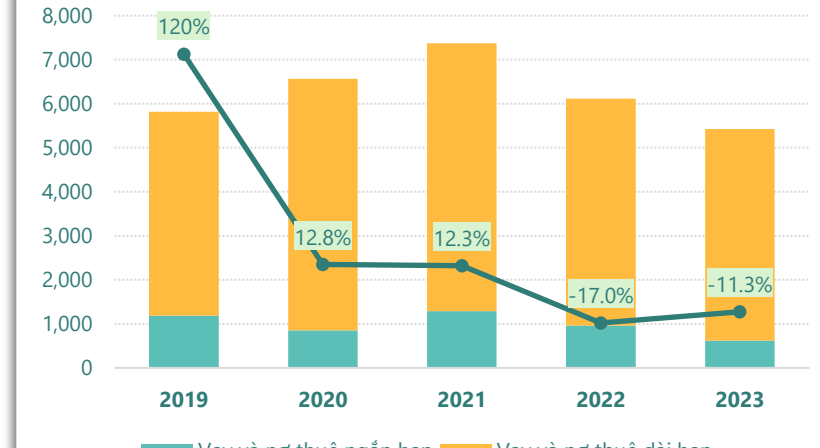


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

### Nợ vay

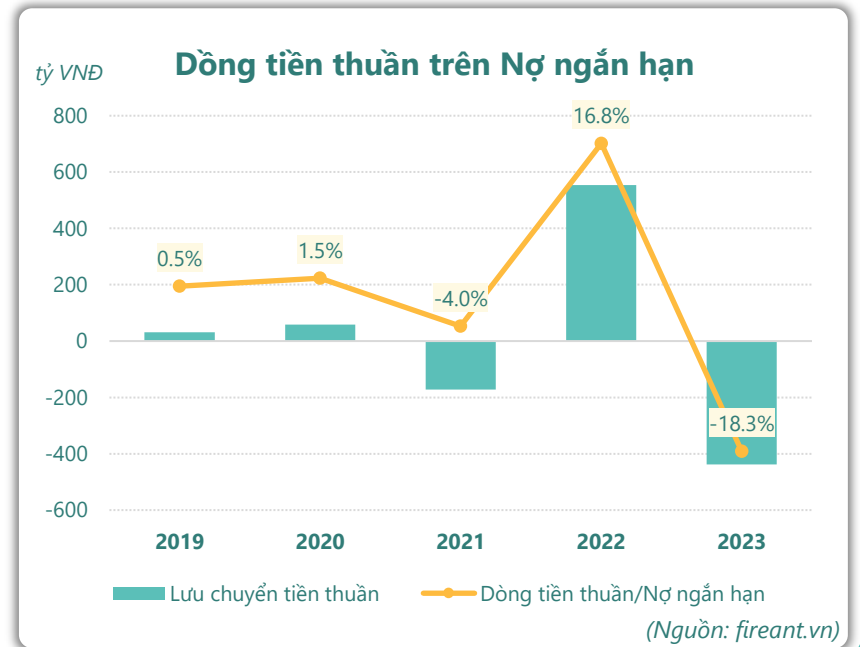
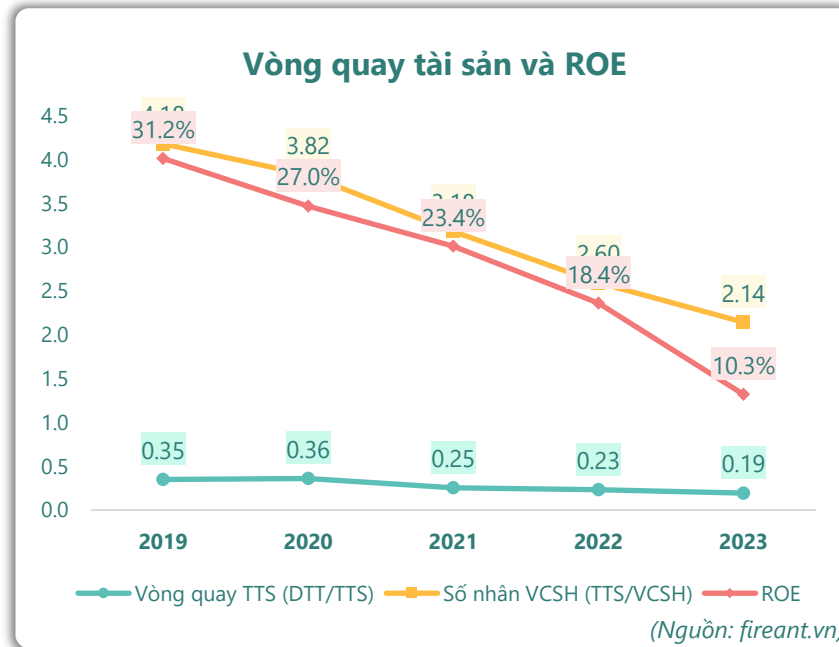
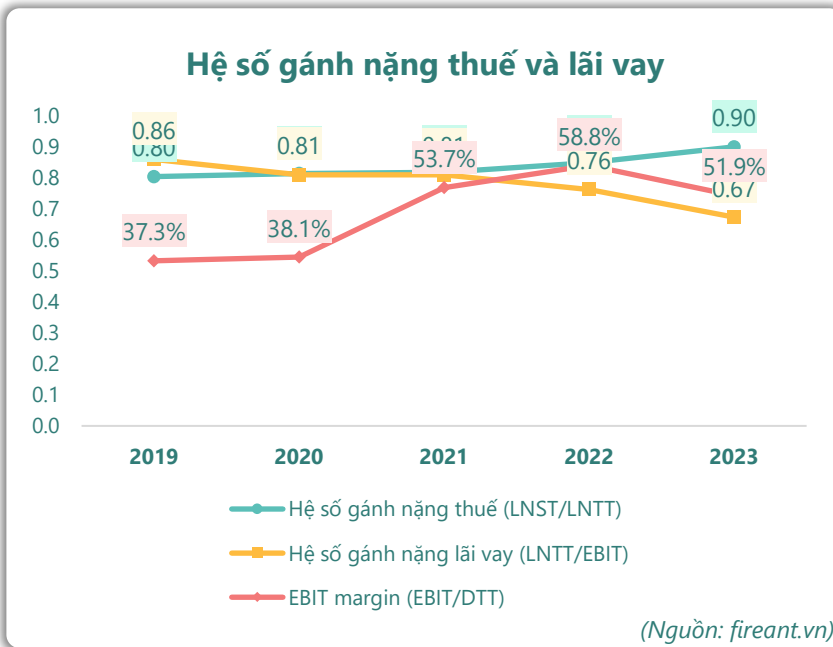
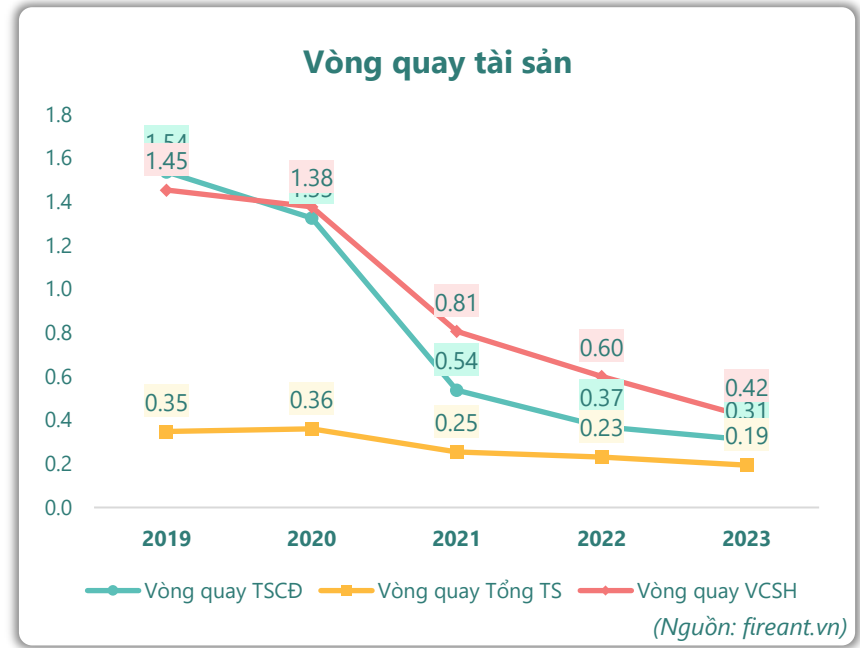
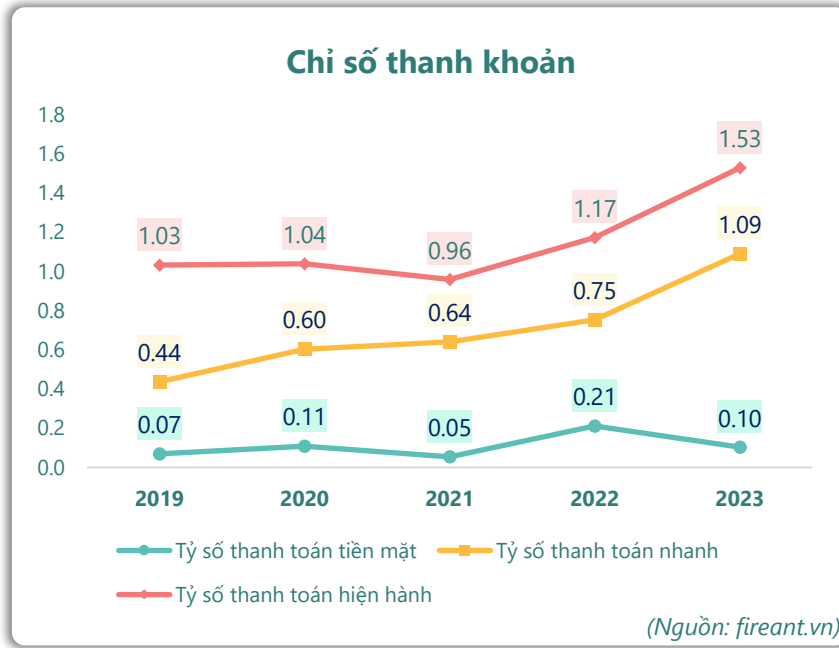
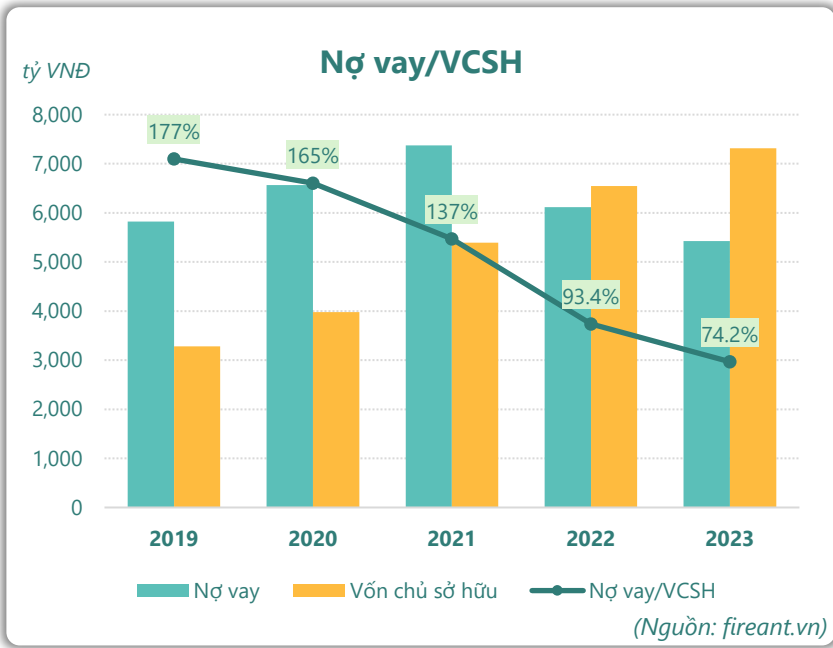
tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn — Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

# HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>4,999</b>	<b>3,777</b>	<b>3,581</b>	<b>2,882</b>
Giá vốn hàng bán	2,922	1,457	1,369	1,166
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>2,076</b>	<b>2,320</b>	<b>2,212</b>	<b>1,716</b>
Doanh thu HĐTC	45.0	79.6	83.3	40.1
Chi phí TC	370	408	517	572
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>362</b>	<b>387</b>	<b>501</b>	<b>489</b>
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	14.2	119	4.60	8.21
Chi phí QLDN	192	222	159	171
<b>LN thuần từ HĐKD</b>	<b>1,545</b>	<b>1,651</b>	<b>1,615</b>	<b>1,005</b>
Lợi nhuận khác	-4.82	-7.84	-10.2	2.21
<b>LN trước thuế</b>	<b>1,540</b>	<b>1,643</b>	<b>1,604</b>	<b>1,007</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>1,254</b>	<b>1,344</b>	<b>1,362</b>	<b>906</b>
<b>LNST của CĐ cty mẹ</b>	<b>979</b>	<b>1,096</b>	<b>1,096</b>	<b>712</b>

(Nguồn: fireant.vn)

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,426	1,057	1,942	461
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2,055	-2,074	-79.6	-232
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	688	845	-1,309	-668
Tiền đầu kỳ	401	438	230	694
<b>Lưu chuyển tiền thuần</b>	<b>59.0</b>	<b>-172</b>	<b>554</b>	<b>-438</b>
Ảnh hưởng tỷ giá	-22.0	-35.6	-89.6	-10.9
Tiền cuối kỳ	438	230	694	246

(Nguồn: fireant.vn)

**CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>13,879</b>	<b>15,892</b>	<b>15,105</b>	<b>14,607</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>4,187</b>	<b>4,116</b>	<b>3,856</b>	<b>3,661</b>
Tiền và tương đương tiền	438	230	694	246
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.0	680	1.21	388
Phải thu ngắn hạn	1,779	1,713	1,711	1,941
Hàng tồn kho	1,757	1,365	1,382	1,050
Tài sản ngắn hạn khác	144	129	68.2	37.2
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>9,691</b>	<b>11,775</b>	<b>11,249</b>	<b>10,946</b>
Phải thu dài hạn	5.41	0.06	15.2	26.6
Tài sản cố định	4,182	9,868	9,495	9,089
Bất động sản đầu tư	843	828	793	759
Tài sản dở dang	4,498	917	818	894
Đầu tư tài chính dài hạn	6.13	3.13	3.13	63.1
Tài sản dài hạn khác	101	110	83.1	79.5
Lợi thế thương mại	56.0	48.7	41.4	34.1
<b>Nợ phải trả</b>	<b>9,901</b>	<b>10,501</b>	<b>8,557</b>	<b>7,292</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>4,032</b>	<b>4,293</b>	<b>3,287</b>	<b>2,395</b>
Vay và nợ thuê ngắn hạn	850	1,289	959	617
Phải trả người bán ngắn hạn	533	298	181	83.4
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>5,869</b>	<b>6,208</b>	<b>5,270</b>	<b>4,897</b>
Vay và nợ thuê dài hạn	5,718	6,086	5,160	4,809
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>3,977</b>	<b>5,390</b>	<b>6,548</b>	<b>7,315</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>3,977</b>	<b>5,390</b>	<b>6,548</b>	<b>7,315</b>
Vốn điều lệ	1,543	1,964	2,446	3,058
<b>Kinh phí và quỹ khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

(Nguồn: fireant.vn)